

Số: 09/2018/NQ-HĐND

Hậu Giang, ngày 06 tháng 7 năm 2018

NGHỊ QUYẾT

Thông qua Kế hoạch phân bổ vốn thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2016 - 2020 tỉnh Hậu Giang

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH HẬU GIANG
KHÓA IX KỲ HỌP THỨ CHÍN**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;*

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 18 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 100/2015/QH13 ngày 12 tháng 11 năm 2015 của Quốc hội khóa XIII phê duyệt chủ trương đầu tư các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2016 - 2020;

Căn cứ Nghị định số 161/2016/NĐ-CP ngày 02 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ về cơ chế đặc thù trong quản lý đầu tư xây dựng đối với một số dự án thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2016 - 2020;

Căn cứ Quyết định số 41/2016/QĐ-TTg ngày 10 tháng 10 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy chế quản lý, điều hành thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia;

Căn cứ Quyết định số 48/2016/QĐ-TTg ngày 31 tháng 10 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách Trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016 - 2020;

Căn cứ Quyết định số 12/2017/QĐ-TTg ngày 22 tháng 4 năm 2017 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách Trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016 - 2020;

Xét Tờ trình số 2391/TTr-UBND ngày 20 tháng 6 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh đề nghị thông qua Nghị quyết Kế hoạch phân bổ vốn thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2016 - 2020 tỉnh Hậu Giang; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại Kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh: Nghị quyết này thông qua Kế hoạch phân bổ vốn thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2016 - 2020 tỉnh Hậu Giang.

2. Đối tượng áp dụng: Sở, ban, ngành tỉnh, Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố, đơn vị sử dụng kinh phí Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2016 - 2020.

Điều 2. Nội dung Kế hoạch phân bổ vốn

Kế hoạch phân bổ vốn thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2016 - 2020 tỉnh Hậu Giang, với tổng vốn là 584.886 triệu đồng, trong đó:

1. Nguồn vốn sự nghiệp là 143.252 triệu đồng, bao gồm:

a) Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững: 25.452 triệu đồng.

b) Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới: 117.800 triệu đồng.

(Đính kèm Phụ lục số I)

2. Nguồn vốn đầu tư phát triển là 441.634 triệu đồng, bao gồm:

a) Nguồn trái phiếu Chính phủ: 68.000 triệu đồng.

b) Nguồn Ngân sách Trung ương: 373.634 triệu đồng (bao gồm: trích dự phòng 10%: 37.363 triệu đồng và vốn thực hiện dự án: 336.271 triệu đồng).

(Đính kèm Phụ lục số II)

Điều 3. Hội đồng nhân dân tỉnh giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết theo quy định.

Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát quá trình thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Hậu Giang Khóa IX Kỳ họp thứ Chín thông qua ngày 06 tháng 7 năm 2018 và có hiệu lực từ ngày 16 tháng 7 năm 2018. /.

Nơi nhận:

- Văn phòng QH;
- Văn phòng CP (HN, TP.HCM);
- Bộ Tài chính; Bộ Kế hoạch - Đầu tư;
- Bộ Tư pháp (Cục Kiểm tra văn bản QPPL);
- TT: TU, HĐND, UBND tỉnh;
- Đại biểu QH đơn vị tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- UBMTTQVN và các Đoàn thể tỉnh;
- Các sở, ban, ngành tỉnh;
- HĐND, UBND, UBMTTQVN cấp huyện;
- Các cơ quan Báo, Đài tỉnh;
- Công báo tỉnh;
- Lưu: VT.



Huỳnh Thanh Tạo

Phụ lục I



**KẾ HOẠCH PHÂN BỐ VỐN THỰC HIỆN CÁC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA
GIAI ĐOẠN 2016 - 2020 TỈNH HẬU GIANG (NGUỒN VỐN SỰ NGHIỆP)**

(Kèm theo Nghị quyết số 09/2018/NQ-HĐND ngày 06/7/2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hậu Giang)

DVT: Triệu đồng

	Danh mục dự án	Giai đoạn 2016 - 2020	Ghi chú
	TỔNG SỐ	143.252	
	Các Chương trình mục tiêu quốc gia	143.252	
A	Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững	25.452	
I	Ngoài Chương trình 135	9.425	
1	Truyền thông và giảm nghèo về thông tin	2.267	
2	Hỗ trợ phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế và nhân rộng mô hình giảm nghèo các xã ngoài Chương trình 135	5.571	
3	Nâng cao năng lực và giám sát, đánh giá thực hiện Chương trình	1.587	
II	Chương trình 135	16.027	
1	Kinh phí Ban Chỉ đạo	50	
2	Đào tạo, nâng cao năng lực	1.601	
3	Hỗ trợ phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế và nhân rộng mô hình giảm nghèo	11.472	
4	Duy tu, bảo dưỡng	2.904	
B	Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới	117.800	
1	Kinh phí Ban Chỉ đạo	297	
2	Đào tạo kiến thức về xây dựng nông thôn mới cho cán bộ xã, ấp, hợp tác xã	550	
3	Đào tạo kiến thức về xây dựng nông thôn mới cho cán bộ các cấp	1.656	
4	Xây dựng mô hình xã nông thôn mới kiểu mẫu	200	
5	Tập huấn, bồi dưỡng cho Hợp tác xã thực hiện mô hình hợp tác xã kiểu mới theo Quyết định số 445/QĐ-TTg	50	
6	Truyền thông về mô hình hợp tác xã kiểu mới theo Quyết định số 445/QĐ-TTg	90	
7	Quy hoạch xã nông thôn mới	2.750	
8	Hỗ trợ phát triển sản xuất và dịch vụ nông thôn	5.158	
9	Truyền thông về xây dựng nông thôn mới	8.069	
10	Đào tạo nghề lao động nông thôn	38.714	
11	Kiểm tra, giám sát, đánh giá tình hình thực hiện Đề án (Đào tạo nghề LĐNT)	722	
12	Hỗ trợ phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị	9.400	
13	Công tác giám sát, đánh giá thực hiện Chương trình	960	
14	Nâng cao năng lực cho cán bộ xây dựng nông thôn mới các cấp	4.700	
15	Đổi mới tổ chức sản xuất trong nông nghiệp và hỗ trợ phát triển hợp tác xã và phát triển ngành nghề nông thôn	5.800	
16	Đào tạo bồi dưỡng cán bộ công chức cấp xã	2.650	
17	Xử lý, cải thiện môi trường nông thôn	2.200	
18	Phát triển giáo dục nông thôn	4.438	
19	Hỗ trợ phát triển ngành nghề nông thôn	15.346	
20	Duy tu	14.050	

Phụ lục II

KẾ HOẠCH PHÂN BỐ VỐN THỰC HIỆN CÁC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA
GIAI ĐOẠN 2016 - 2020 TỈNH HẬU GIANG (NGUỒN VỐN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN)

(Kèm theo Nghị quyết số 09/2018/NQ-HDND ngày 06/7/2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hậu Giang)

DVT: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Năng lực thiết kế	Thời gian khởi công - khánh thành	Quyết định đầu tư ban đầu				Kế hoạch đầu tư trung hạn 2016 - 2020			Ghi chú
					Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Trong đó:		Tổng số	Trong đó:			
						Tổng số tất cả các nguồn vốn	NSTW		TPCP	NSTW	TPCP	
2	Tuyến kênh Công Điền, ấp 6, xã Xà Phiên (lộ 2,5m)	Xã Xà Phiên	1.000m	2016-2017	537/QĐ-UBND, 22/3/2016	857	857		810	810	-	
3	Trường TH Xà Phiên 1	Xã Xà Phiên	2p	2017-2019	2684/QĐ-UBND, 25/9/2017	1.540	1.440		1.200	1.200	-	
4	Trường mẫu giáo Xà Phiên 2 xã Xà Phiên	Xã Xà Phiên	4p	2017-2019	2685/QĐ-UBND, 25/9/2017	1.650	1.520		1.520	1.520	-	
5	Trường TH Xà Phiên 2, xã Xà Phiên	Xã Xà Phiên	3p	2017-2019	2686/QĐ-UBND, 25/9/2017	1.540	1.445		1.445	1.445	-	
6	Đường bê tông tuyến Cái Rắn - Xã đội	Xã Xà Phiên	1.000m	2017-2019	2720/QĐ-UBND, 29/9/2017	1.100	1.020		1.020	1.020	-	
7	Nâng cấp, sửa chữa Trường THCS Xà Phiên	Xã Xà Phiên	Các phòng học + phòng chức năng +các hạng mục phụ trợ và TB	2018-2020	3278/QĐ-UBND, 31/10/2017	2.236	2.136		1.570	1.570	-	
8	Tuyến sông Cái ấp 8 xã Xà Phiên	Xã Xà Phiên	2.000m	2018-2020	3279/QĐ-UBND, 31/10/2017	1.600	1.300		1.300	1.300	-	
(2)	Xã Lương Nghĩa					2.963	2.749	-	2.571	2.571	-	
1	Tuyến lộ đắp Bà Tiềm, ấp 10 xã Lương Nghĩa (lộ 2,5m)	Xã Lương Nghĩa	900m	2016-2017	555/QĐ-UBND, 23/3/2016	788	751		751	751	-	
2	Tuyến kênh ông Bồn đến kênh thủy lợi, ấp 10 xã Lương Nghĩa (lộ 2,5m)	Xã Lương Nghĩa	1.000m	2016-2017	554/QĐ-UBND, 23/3/2016	875	788		788	788	-	
3	Đường bê tông tuyến kênh Đòn Giồng ấp 8 xã Lương Nghĩa	Xã Lương Nghĩa	1200m	2018-2020	3280/QĐ-UBND, 31/10/2017	1.300	1.210		1.032	1.032	-	

STT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Năng lực thiết kế	Thời gian khởi công - khánh thành	Quyết định đầu tư ban đầu				Kế hoạch đầu tư trung hạn 2016 - 2020			Ghi chú
					Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Trong đó:		Tổng số	Trong đó:			
						Tổng số tất cả các nguồn vốn	NSTW		TPCP	NSTW	TPCP	
3	Huyện Phụng Hiệp					28.460	23.872	-	23.192	23.192	-	
(1)	Dự án khởi công mới hoàn thành trong giai đoạn 2016-2020					28.460	23.872	-	23.192	23.192	-	
(1)	Xã Tân Bình					6.228	4.686	-	4.382	4.382	-	
1	Nâng cấp, sửa chữa Tuyến từ cầu Kênh Lầm đến Vàm Đường Láng	Xã Tân Bình	4km	2016-2018	1905/QĐ-UBND, 18/3/2016	3.768	2.426		2.263	2.263		
2	Nâng cấp, sửa chữa Trường Tiểu học Tân Bình 4	Xã Tân Bình	2p	2017-2019	4092/QĐ-UBND, 29/9/2017	2.460	2.260		2.119	2.119	-	
(2)	Xã Long Thạnh					3.512	2.426	-	2.426	2.426	-	
1	Tuyến đường từ cầu Kênh Tác đến Kênh Giải Phóng ấp Long Sơn 2	Xã Long Thạnh	3,5km	2016-2018	1898/QĐ-UBND, 18/3/2016	3.512	2.426		2.426	2.426	-	
(2)	Xã Hòa An					11.500	10.800	-	10.600	10.600	-	
1	Nâng cấp, sửa chữa Trường TH Hòa An 1	Xã Hòa An	8p	2018-2020	4568/QĐ-UBND, 31/10/2017	5.100	5.000		4.800	4.800	-	
2	Tuyến lộ Đập Đá ấp 4	Xã Hòa An	4,8km	2018-2020	4554/QĐ-UBND, 31/10/2017	3.000	2.800		2.800	2.800	-	
3	Nâng cấp, sửa chữa các phòng chức năng Trường TH Hòa An 3 (đạt chuẩn quốc gia)	Xã Hòa An	6p	2019-2020	958/QĐ-UBND, 25/6/2018	3.400	3.000		3.000	3.000	-	
(3)	Xã Phụng Hiệp					7.220	5.960	-	5.784	5.784	-	
1	Nâng cấp sửa chữa lộ Thắng Mỹ ấp Sây Niều B	Xã Phụng Hiệp	2,000m	2018-2020	4576/QĐ-UBND, 31/10/2017	1.700	1.500		1.500	1.500	-	
2	Tuyến lộ Láng Sen ấp Xẻo Môn	Xã Phụng Hiệp	1,500m	2018-2020	4594/QĐ-UBND, 31/10/2017	1.060	980		980	980	-	
3	Tuyến lộ Kênh Tây	Xã Phụng Hiệp	3km	2018-2020	4595/QĐ-UBND, 31/10/2017	1.500	1.200		1.200	1.200	-	

STT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Thời gian khởi công - khánh thành	Quyết định đầu tư ban đầu				Kế hoạch đầu tư trung hạn 2016 - 2020			Ghi chú
				Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Trong đó:		Tổng số	Trong đó:			
					Tổng số tất cả các nguồn vốn	NSTW		TPCP	NSTW	TPCP	
4	Tuyến lộ Lung Cá Bông	Xã Phụng Hiệp	2019-2020	958/QĐ-UBND, 25/6/2018	1.380	980		980	980	-	
5	Nâng cấp, sửa chữa Tuyến đường kênh Hai Ban	Xã Phụng Hiệp	2019-2020	958/QĐ-UBND, 25/6/2018	1.580	1.300		1.124	1.124	-	
4	Thành phố Vị Thanh				510	372	-	372	372	-	
	Dự án khởi công mới hoàn thành trong giai đoạn 2016 - 2020				510	372	-	372	372	-	
(1)	Phường III				510	372	-	372	372	-	
1	Nâng cấp, sửa chữa đường Bảy Già	Phường III	2016-2017	1244/QĐ-UBND, 30/3/2016	510	372		372	372	-	
II	Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới				573.967	302.756	68.000	368.168	300.168	68.000	
*	Cấp Tỉnh quản lý				20.850	19.552	-	19.552	19.552	-	
I	Trung tâm nước sạch và VSMTNT				20.850	19.552	-	19.552	19.552	-	
	Dự án khởi công mới hoàn thành trong giai đoạn 2016-2020				20.850	19.552	-	19.552	19.552	-	
(1)	Môi trường (17)				20.850	19.552	-	19.552	19.552	-	
1	Xây dựng trạm cấp nước xã Hòa Tiến	Xã Hòa Tiến	2017-2019	178a/QĐ-SKHĐT, 27/9/2017	10.000	9.952		9.952	9.952	-	
2	Nâng cấp, sửa chữa, phát triển tuyến ống xã Vị Trung	Xã Vị Trung	2018-2020	271/QĐ-SKHĐT, 31/10/2017	4.400	3.800		3.800	3.800	-	
3	Nâng cấp, sửa chữa, phát triển tuyến ống xã Hòa Lữ	Xã Hòa Lữ	2018-2020	270/QĐ-SKHĐT, 31/10/2017	3.300	2.800		2.800	2.800	-	
4	Nâng cấp, sửa chữa Trạm cấp nước xã Phú An	Xã Phú An	2019-2020	958/QĐ-UBND, 25/6/2018	3.150	3.000		3.000	3.000	-	

STT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Năng lực thiết kế	Thời gian khởi công - khánh thành	Quyết định đầu tư ban đầu				Kế hoạch đầu tư trung hạn 2016 - 2020			Ghi chú
					Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số tất cả các nguồn vốn	NSTW	TPCP	Tổng số	NSTW	TPCP	
**	Huyện quản lý					553.117	283.204	68.000	348.616	280.616	68.000	
I	Thành phố Vị Thanh					67.712	34.913	4.662	39.229	34.567	4.662	
I	Xã Tân Tiến					15.680	-	1.484	1.484	-	1.484	
	Dự án hoàn thành, đưa vào sử dụng trước 31/12/2015					15.680	-	1.484	1.484	-	1.484	
(1)	Trường học (5)					3.495	-	450	450	-	450	
1	Mở rộng đường vào, Xây dựng hàng rào, nhà vệ sinh và thiết bị trường Mẫu giáo Tân Tiến	Xã Tân Tiến	2.000m	2013-2014	3645/QĐ-UBND, 09/9/2013	2.137		300	300	-	300	
2	Nâng cấp, sửa chữa 07 phòng học, hàng rào điểm Kinh Đê thuộc trường Tiểu học Nguyễn Bình Khiêm, xã Tân Tiến, thành phố Vị Thanh	Xã Tân Tiến	07 phòng học, hàng rào	2014 - 2015	2927/QĐ-UBND, 29/7/2014	1.358		150	150	-	150	
(2)	Văn hóa (6)					5.932	-	334	334	-	334	
1	Trung tâm văn hóa - Thể thao xã Tân Tiến	Xã Tân Tiến	2.500m ²	2013-2014	1604/QĐ-UBND, 04/4/2013	5.932		334	334	-	334	
(3)	Y tế (15)					5.629	-	400	400	-	400	
1	Trạm Y tế xã Tân Tiến	Xã Tân Tiến	10G	2013	1628/QĐ-UBND, 08/04/2013	5.629		400	400	-	400	
(4)	Hệ thống chính trị và tiếp cận pháp luật (18)					624	-	300	300	-	300	
1	Sơn trụ sở hàng rào, di dời và trồng cây trong khuôn viên UBND xã Tân Tiến	Xã Tân Tiến	500md	2014	3586/QĐ-UBND, 16/9/2014	624		300	300	-	300	
2	Xã Vị Tân					15.895	1.200	3.178	4.378	1.200	3.178	
(1)	Giao thông (2)					5.387	1.000	478	1.478	1.000	478	
1	Cầu Sáu Do và Cầu Út Long áp 4 xã Vị Tân	Xã Vị Tân	2 tấn	2013-2015	658/QĐ-UBND, 05/2/2013	3.887		478	478	-	478	

STT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Năng lực thiết kế	Thời gian khởi công - khánh thành	Quyết định đầu tư ban đầu				Kế hoạch đầu tư trung hạn 2016 - 2020			Ghi chú
					Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số tất cả các nguồn vốn	NSTW	TPCP	Tổng số	NSTW	TPCP	
2	Duy tu, mở rộng đường kinh lò đường, ấp 1	Xã Vị Tân	1,500m	2019-2020	958/QĐ-UBND, 25/6/2018	1.500	1.000		1.000	1.000	-	
(2)	Trường học (5)					7.860	200	1.800	2.000	200	1.800	
1	Xây dựng 05 phòng học, 05 phòng chức năng và các công trình phụ trường tiểu học Bùi Thị Xuân, xã Vị Tân, thành phố Vị Thanh	Xã Vị Tân	10P	2014-2015	2889/QĐ-UBND, 28/7/2014	7.860	200	1.800	2.000	200	1.800	
(3)	Văn hóa (6)					2.648	-	900	900	-	900	
1	Nhà văn hóa - khu thể thao ấp 4, xã Vị Tân	Xã Vị Tân	2.500m	2010	02/QĐ-UBND, 02/01/2013	2.648		900	900	-	900	
3	Xã Hòa Tiến					15.618	14.479	-	14.133	14.133	-	
	Dự án khởi công mới hoàn thành trong giai đoạn 2016-2020					15.618	14.479	-	14.133	14.133	-	
(1)	Giao thông (2)					6.008	5.084	-	4.859	4.859	-	
1	Nâng cấp, sửa chữa đường Phạm Hùng, xã Tân Tiến - Hòa Tiến	Xã Hòa Tiến	4.300m	2017-2019	3335/QĐ-UBND, 29/9/2017	1.390	1.196		1.196	1.196	-	
2	Nâng cấp, sửa chữa đường Kênh Năm, ấp Thạnh Thắng	Xã Hòa Tiến	600m	2017-2019	3336/QĐ-UBND, 29/9/2017	670	590		590	590	-	
3	Đường Chông Mỹ ấp Thạnh Thắng	Xã Hòa Tiến	3.000m	2017-2019	3461/QĐ-UBND, 29/9/2017	3.148	2.548		2.548	2.548	-	
4	Nâng cấp, sửa chữa Đường và cầu vào trường THCS Nguyễn Việt Hồng	Xã Hòa Tiến	18m	2018-2020	3759/QĐ-UBND, 30/10/2017	800	750		525	525	-	
(2)	Trường học (5)					2.560	2.618	-	2.543	2.543	-	
1	Nâng cấp, sửa chữa trường MG Hoa Sen giao lại cho trường TH Trương Định	Xã Hòa Tiến	4 Phòng	2017-2019	3314/QĐ-UBND, 28/9/2017	1.778	1.778		1.778	1.778	-	

STT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Năng lực thiết kế	Thời gian khởi công - khánh thành	Quyết định đầu tư ban đầu				Kế hoạch đầu tư trung hạn 2016 - 2020			Ghi chú
					Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Trong đó:		Tổng số	Trong đó:			
						Tổng số tất cả các nguồn vốn	NSTW		TPCP	NSTW	TPCP	
2	Trang thiết bị trường MG Hoa Sen	Xã Hòa Tiến	Thiết bị	2017-2019	3282/QĐ-UBND, 26/9/2017	782	840		765	765	-	
(3)	Cơ sở vật chất văn hóa (6)					7.050	6.777	-	6.731	6.731	-	
1	Trung tâm văn hóa xã Hòa Tiến	Xã Hòa Tiến	2.500m2	2016-2018	1254/QĐ-UBND, 31/3/2016	4.052	3.779		3.779	3.779	-	
2	Nhà văn hóa ấp Thạnh xuân	Xã Hòa Tiến	500m2	2017-2019	3313/QĐ-UBND, 28/9/2017	1.667	1.667		1.667	1.667	-	
3	Nâng cấp sửa chữa nhà văn hóa ấp Thạnh Thắng	Xã Hòa Tiến	300m	2017-2019	4718/QĐ-UBND, 30/9/2017	365	365		350	350	-	
4	Nâng cấp sửa chữa nhà văn hóa ấp Thạnh Hòa 2	Xã Hòa Tiến	300m	2017-2019	4416/QĐ-UBND, 23/9/2017	220	220		200	200	-	
5	Nâng cấp sửa chữa nhà văn hóa ấp Thạnh Quới 2	Xã Hòa Tiến	300m	2017-2019	3452/QĐ-UBND, 29/9/2017	746	746		735	735	-	
4	Xã Hòa Lợi					20.519	19.234	-	19.234	19.234	-	
	Dự án khởi công mới hoàn thành trong giai đoạn 2016-2020					20.519	19.234	-	19.234	19.234	-	
(1)	Giao thông (2)					4.900	4.500	-	4.500	4.500	-	
1	Đường Sông Nước Đục - Lộ Tắc	Xã Hòa Lợi	4,000m	2018-2020	3760/QĐ-UBND, 30/10/2017	4.900	4.500		4.500	4.500	-	
(2)	Trường học (5)					7.464	6.864	-	6.864	6.864	-	
1	Trường mầm non Hương Sen	Xã Hòa Lợi	Các phòng học, phòng chức năng, các hạng mục phụ trợ và thiết bị	2018-2020	3762/QĐ-UBND, 30/10/2017	3.900	3.600		3.600	3.600	-	

STT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Thời gian khởi công - khánh thành	Nội dung thiết kế	Quyết định đầu tư ban đầu	Kế hoạch đầu tư trung hạn 2016 - 2020			Ghi chú
						Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số tất cả các nguồn vốn	Trong đó: NSTW TPCP	
2	Nâng cấp, sửa chữa Trường Tiểu học Võ Thị Sáu (điểm phụ)	Xã Hòa Lợi	2018-2020	Các phòng học, phòng chức năng, các hạng mục phụ trợ và thiết bị	3761/QĐ-UBND, 30/10/2017	3.564	3.264	3.264	-
(3)	Cơ sở vật chất văn hóa (6)				-	8.155	7.870	7.870	-
1	Nhà văn hóa khu thể thao ấp Thạnh Đông	Xã Hòa Lợi	2018-2020	300m	3763/QĐ-UBND, 30/10/2017	1.555	1.500	1.500	-
2	Nhà văn hóa khu thể thao ấp Thạnh Bình	Xã Hòa Lợi	2018-2020	1.500m	3764/QĐ-UBND, 30/10/2017	1.560	1.500	1.500	-
3	Nhà văn hóa khu thể thao ấp Thạnh Lợi	Xã Hòa Lợi	2018-2020	1.500m	3765/QĐ-UBND, 30/10/2017	1.540	1.500	1.500	-
4	Nâng cấp, sửa chữa Khu hành chính UBND xã Hòa Lợi	Xã Hòa Lợi	2019-2020	Sửa chữa trụ sở, các hạng mục phụ trợ	958/QĐ-UBND, 25/6/2018	2.500	2.400	2.400	-
5	Nhà văn hóa ấp Mỹ 1, xã Hòa Lợi	Xã Hòa Lợi	2019-2020	Dân dụng cấp III	958/QĐ-UBND, 25/6/2018	1.000	970	970	-
II	Thị xã Ngã Bảy					63.468	12.737	6.186	18.912 12.726 6.186
I	Xã Đại Thành					9.971	1.100	-	1.089 -
*	Dự án hoàn thành đưa vào sử dụng trước ngày 31/12/2015					8.807	100	-	100 -
(1)	Giao thông (2)					2.567	10	-	10 -
1	Cầu trạm y tế xã	Xã Đại Thành	2010-2012	2,5 tấn	1712/QĐ-UBND, 4/8/2010	2.567	10	10	-
(2)	Trường học (5)					6.240	90	-	90 -

STT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Năng lực thiết kế	Thời gian khởi công - khánh thành	Quyết định đầu tư ban đầu				Kế hoạch đầu tư trung hạn 2016 - 2020			Ghi chú
					Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số tất cả các nguồn vốn	NSTW	TPCP	Tổng số	NSTW	TPCP	
1	Trường THCS Đại Thành	Xã Đại Thành	Phòng học, phòng chức năng	2014-2016	5612/QĐ-UBND, 27/12/2013	6.240	90		90	90	-	
**	<i>Dự án khởi công mới hoàn thành trong giai đoạn 2016-2020</i>					1.164	1.000	-	989	989	-	
(2)	Cơ sở vật chất văn hóa (6)					1.164	1.000	-	989	989	-	
1	Nhà văn hóa ấp Cái Côn, xã Đại Thành	Xã Đại Thành	500m2	2016	1163/QĐ-UBND, 19/5/2016	1.164	1.000		989	989	-	
2	Xã Tân Thành					26.302	5.047	2.686	7.733	5.047	2.686	
*	<i>Dự án hoàn thành đưa vào sử dụng trước ngày 31/12/2015</i>					25.118	3.863	2.686	6.549	3.863	2.686	
(1)	Giao thông (2)					6.448	-	69	69	-	69	
1	Lộ Tư Đồ đến Hai Trinh	Xã Tân Thành	1.000m	2012	2262/QĐ-UBND, 15/6/2011	772		28	28	-	28	
2	Lộ từ chợ Tân Thành đến ranh Đông Phước	Xã Tân Thành	5.000m	2013	2256/QĐ-UBND, 08/8/2013	5.676		41	41	-	41	
(2)	Cơ sở vật chất văn hóa (6)					16.603	3.298	2.317	5.615	3.298	2.317	
1	Nhà Văn hóa-Khu thể thao ấp Đông An 2, xã Tân Thành	Xã Tân Thành	3.000m2	2014	2198/QĐ-UBND, 02/7/2014	3.002	742	586	1.328	742	586	
2	Nâng cấp, sửa chữa Nhà văn hóa xã Tân Thành	Xã Tân Thành	500m2	2014	2975/QĐ-UBND, 11/9/2014	1.319		459	459	-	459	
3	Nhà Văn hóa-Khu thể thao ấp Đông Bình, xã Tân Thành	Xã Tân Thành	2.500m2	2014	1709/QĐ-UBND, 24/6/2014	3.052		572	572	-	572	
4	Trung tâm VH-TT xã Tân Thành	Xã Tân Thành	8.491m2	204	2197/QĐ-UBND, 02/7/2014	6.079	1.700		1.700	1.700	-	

STT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Năng lực thiết kế	Thời gian khởi công - khánh thành	Quyết định đầu tư ban đầu				Kế hoạch đầu tư trung hạn 2016 - 2020			Ghi chú
					Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số tất cả các nguồn vốn	NSTW	TPCP	Tổng số	NSTW	TPCP	
5	Nhà Văn hóa-Khu thể thao ấp Đông An 2A, xã Tân Thành	Xã Tân Thành	2.500m ²	2014	2196/QĐ-UBND 02/7/2014	3.151	856	700	1.556	856	700	
(5)	Hệ thống chính trị và tiếp cận pháp luật (18)					2.067	565	300	865	565	300	
I	Nâng cấp sửa chữa Trụ sở làm việc UBND xã Tân Thành (Hạng mục: Nâng cấp, sửa chữa Trụ sở làm việc UBND, Trụ sở làm việc xã đội; phòng tiếp nhận và trả kết quả hành chính tại xã Tân Thành, nhà công vụ + bếp ăn)	Xã Tân Thành	1281,76m ²	2013	3597/QĐ-UBND 15/10/2013	2.067	565	300	865	565	300	
**	Dự án khởi công mới hoàn thành trong giai đoạn 2016-2020					1.184	1.184	-	1.184	1.184	-	
(1)	Giao thông (2)					1.184	1.184	-	1.184	1.184	-	
I	Nâng cấp cầu Thái Từ	Tân Thành	2,5 tấn	2017-2019	1854/QĐ-UBND 24/10/2017	1.184	1.184		1.184	1.184		
3	Xã Hiệp Lợi					27.196	6.590	3.500	10.090	6.590	3.500	
*	Dự án hoàn thành đưa vào sử dụng trước ngày 31/12/2015					27.196	6.590	3.500	10.090	6.590	3.500	
(1)	Giao thông (2)					2.768	2.334	-	2.334	2.334	-	
I	Lộ kênh đào	Xã Hiệp Lợi	3.000m	2015-2016	3133/QĐ-UBND 2/12/2015	2.768	2.334		2.334	2.334		
(2)	Trường học (5)					4.763	270	209	479	270	209	
I	Trường tiểu học Lương Thế Vinh	Xã Hiệp Lợi	Phòng học, phòng chức năng	2012-2013	2014/QĐ-UBND, ngày 25/10/2012	4.763	270	209	479	270	209	
(2)	Cơ sở vật chất văn hóa (6)					16.908	3.498	3.291	6.789	3.498	3.291	

STT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Năng lực thiết kế	Thời gian khởi công - khánh thành	Quyết định đầu tư ban đầu				Kế hoạch đầu tư trung hạn 2016 - 2020			Ghi chú
					Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Trong đó:		Tổng số	Tổng số	Trong đó:		
						NSTW	TPCP			NSTW	TPCP	
1	Nhà văn hóa ấp Láng Sen A, xã Hiệp Lợi	Xã Hiệp Lợi	500m2	2014-2016	3456/QĐ-UBND 30/10/2014	1.723	1.016	341	1.357	1.016	341	
2	Nhà văn hóa-khu thể thao ấp Láng Sen, xã Hiệp Lợi	Xã Hiệp Lợi	2.500m2	2014-2016	3457/QĐ-UBND 30/10/2014	2.693	627	250	877	627	250	
3	Trung tâm văn hóa-thể thao xã Hiệp Lợi	Xã Hiệp Lợi	500m2	2014-2016	3459/QĐ-UBND 30/10/2014	6.604	1.324	2.200	3.524	1.324	2.200	
4	Nhà văn hóa ấp Xẻo Vồng C, xã Hiệp Lợi	Xã Hiệp Lợi	500m2	2014-2016	3462/QĐ-UBND 30/10/2014	1.424		200	200	-	200	
5	Nhà Văn hóa ấp Xeo Vồng	Xã Hiệp Lợi	500m2	2014-2016	1452/QĐ-UBND 11/6/2015	771	10	300	310	10	300	
6	Nhà văn hóa-khu thể thao ấp Xẻo Vồng A	Hiệp Lợi	2.500m2	2014-2016	1155/QĐ-UBND 6/5/2015	3.693	521		521	521	-	
(5)	Chợ					892	200	-	200	200	-	
1	Chợ xã Hiệp Lợi	Xã Hiệp Lợi	3.000m2	2009-2020	206/QĐ-UBND 23/2/2009	892	200		200	200	-	
(5)	Hệ thống chính trị và tiếp cận pháp luật (18)					1.865	288	-	288	288	-	
1	Nâng cấp sửa chữa Trụ sở làm việc UBND, hội trường, nhà công vụ xã Hiệp Lợi, xây dựng mới phòng tiếp dân và trả kết quả hồ sơ hành chính và sửa chữa hàng rào tại UBND xã Hiệp Lợi	Xã Hiệp Lợi	1.500m2	2013	2336/QĐ-UBND 19/8/2013	1.865	288		288	288	-	
III	Thị xã Long Mỹ					31.468	25.460	2.300	27.760	25.460	2.300	
I	Xã Long Trị A					12.158	6.760	2.300	9.060	6.760	2.300	
	Dự án khởi công mới trong giai đoạn 2016-2020					12.158	6.760	2.300	9.060	6.760	2.300	

STT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Năng lực thiết kế	Thời gian khởi công - khánh thành	Quyết định đầu tư ban đầu				Kế hoạch đầu tư trung hạn 2016 - 2020			Ghi chú
					Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Trong đó:		Tổng số	Tổng số	Trong đó:		
						Tổng số tất cả các nguồn vốn	NSTW			TPCP	NSTW	
(1)	Giao thông (2)					6.140	6.010	-	6.010	6.010	-	
1	Đường Cà Đò B	Xã Long Trị A	1.200m	2016-2017	305/QĐ-UBND, 22/2/2016	1.180	1.050		1.050	1.050	-	
2	Duy tu, Nâng cấp bê bao tuyến đường kênh Cái Bàn A, xã Long Trị A	Xã Long Trị A	5.000m	2017-2019	735 /QĐ-UBND, 23/05/2016	4.960	4.960		4.960	4.960	-	
(2)	Trường học (5)					2.943	550	500	1.050	550	500	
1	Trường Mẫu Giáo Long Trị A	Xã Long Trị A	3P	2017-2019	488/QĐ-UBND, 29/03/2016	2.943	550	500	1.050	550	500	
(3)	Cơ sở vật chất văn hóa (6)				-	3.075	200	1.800	2.000	200	1.800	
1	Nâng cấp Trung tâm Văn hóa Khu thể thao xã Long Trị A	Xã Long Trị A	2.500m2	2016-2017	783/QĐ-UBND, 01/6/2016	3.075	200	1.800	2.000	200	1.800	
2	Xã Long Trị					19.310	18.700	-	18.700	18.700	-	
	Dự án khởi công mới trong giai đoạn 2016-2020					19.310	18.700	-	18.700	18.700	-	
(1)	Giao thông (2)					17.000	16.500	-	16.500	16.500	-	
1	Đường 3 Bal - Thầy Phò	Long Trị	4km	2017-2019	3238/QĐ-UBND, 14/9/2017	4.500	4.500		4.500	4.500	-	
2	Đường Sáu Hạnh	Xã Long Trị	4km	2017-2019	2709/QĐ-UBND, 7/8/2017	4.400	4.400		4.400	4.400	-	
3	Đường Xẻo lá, xã Long Trị (mặt đường 2,5m)	Xã Long Trị	2.000m	2017-2019	2708/QĐ-UBND, 7/8/2017	2.600	2.600		2.600	2.600	-	
4	Đường Lái Hiếu	Xã Long Trị	6.000m	2018-2020	3627a/QĐ-UBND, 24/10/2017	5.500	5.000		5.000	5.000	-	
(2)	Trường học (5)				-	2.310	2.200	-	2.200	2.200	-	

13

STT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Năng lực thiết kế	Thời gian khởi công - khánh thành	Quyết định đầu tư ban đầu				Kế hoạch đầu tư trung hạn 2016 - 2020			Ghi chú
					Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Trong đó:		Tổng số	Trong đó:			
						Tổng số tất cả các nguồn vốn	NSTW		TPCP	NSTW	TPCP	
1	Trường MG Long Trị	Xã Long Trị	4p	2017-2019	2821/QĐ-UBND, 16/8/2017	2.310	2.200		2.200	2.200	-	
IV	Huyện Phụng Hiệp					110.507	45.428	18.553	62.219	43.666	18.553	
I	Xã Phương Bình					34.707	27.626	-	27.356	27.356	-	
*	Dự án khởi công mới hoàn thành trong giai đoạn 2016-2020					34.707	27.626	-	27.356	27.356	-	
(2)	Trường học (5)				-	15.294	13.926	-	13.926	13.926	-	
1	Trường Tiểu học và THCS Phương Ninh (điểm lẻ)	Xã Phương Bình	4p	2017-2019	4095/QĐ-UBND, 29/9/2017	2.000	2.000		2.000	2.000	-	
2	Trường Tiểu học Phương Bình 2	Xã Phương Bình	8p	2017-2019	4093/QĐ-UBND, 29/9/2017	4.444	4.400		4.400	4.400	-	
3	Trường TH Phương Bình 1, hạng mục: 3 phòng học	Xã Phương Bình	3p	2017-2019	4101/QĐ-UBND, 29/9/2017	1.650	1.650		1.650	1.650	-	
4	Trường Tiểu học và THCS Phương Ninh (điểm chính)	Xã Phương Bình	8p	2017-2019	4094/QĐ-UBND, 29/9/2017	4.000	4.000		4.000	4.000	-	
5	Nâng cấp, sửa chữa Trường THCS Tây Đô, hạng mục: Nâng cấp, sửa chữa các phòng học, sân, hàng rào, trang thiết bị	Xã Phương Bình	Các phòng học, sân, hàng rào, thiết bị	2019-2020	958/QĐ-UBND, 25/6/2018	3.200	1.876		1.876	1.876	-	
(3)	Cơ sở vật chất văn hóa (6)				-	16.838	11.200	-	10.930	10.930	-	
1	Trung tâm văn hóa thể thao xã Phương Bình	Xã Phương Bình	2.500m	2016-2018	3886/QĐ-UBND, 26/8/2016	9.738	4.100		4.100	4.100	-	
2	Nhà văn hóa ấp Phương Thạnh	Xã Phương Bình	300m2	2017-2019	4100/QĐ-UBND, 29/9/2017	1.200	1.200		1.200	1.200	-	

STT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Năng lực thiết kế	Thời gian khởi công - khánh thành	Quyết định đầu tư ban đầu				Kế hoạch đầu tư trung hạn 2016 - 2020			Ghi chú
					Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Trong đó:		Tổng số	Trong đó:			
						Tổng số tất cả các nguồn vốn	NSTW		TPCP	NSTW	TPCP	
2	Nhà văn hóa ấp Phương Quới	Xã Phương Bình	300m2	2017-2019	4099/QĐ-UBND, 29/9/2017	1.200	1.200		1.200	1.200	-	
3	Nhà văn hóa ấp Phương Lạc	Xã Phương Bình	300m2	2017-2019	4096/QĐ-UBND, 29/9/2017	1.200	1.200		1.200	1.200	-	
4	Nhà văn hóa khu thể thao ấp Phương An	Xã Phương Bình	300m2	2017-2019	4012/QĐ-UBND, 29/9/2017	2.000	2.000		2.000	2.000	-	
5	Nhà văn hóa ấp Phương Quới A	Xã Phương Bình	300m2	2017-2019	4097/QĐ-UBND, 29/9/2017	750	750		530	530	-	
6	Nhà văn hóa ấp Phương Quới B	Xã Phương Bình	300m2	2017-2019	4098/QĐ-UBND, 29/9/2017	750	750		700	700	-	
(5)	Hệ thống chính trị và tiếp cận pháp luật (18)					2.575	2.500	-	2.500	2.500	-	
	Nâng cấp, sửa chữa trụ sở xã Phương Bình	Xã Phương Bình	4.000m2	2018-2020	4592/QĐ-UBND, 31/10/2017	2.575	2.500		2.500	2.500	-	
1	Xã Bình Thành					17.135	14.610	-	14.560	14.560	-	
*	Dự án khởi công mới hoàn thành trong giai đoạn 2016-2020					17.135	14.610	-	14.560	14.560	-	
(1)	Trường học (5)				-	3.000	2.840	-	2.840	2.840	-	
1	Nâng cấp, sửa chữa Trường MG Bình Thành	Xã Bình Thành	4p	2019-2020	958/QĐ-UBND, 25/6/2018	3.000	2.840		2.840	2.840	-	
(2)	Cơ sở vật chất văn hóa (6)				-	11.560	9.270	-	9.220	9.220	-	
1	Nhà cộng đồng ấp Tân Quới Lộ	Xã Bình Thành	300m2	2018-2020	4590/QĐ-UBND, 31/10/2017	1.970	170		170	170	-	
2	Nhà văn hóa ấp Thạnh Mỹ A	Xã Bình Thành	300m2	2018-2020	4572/QĐ-UBND, 31/10/2017	1.120	1.100		1.100	1.100	-	

STT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Năng lực thiết kế	Thời gian khởi công - khánh thành	Quyết định đầu tư ban đầu				Kế hoạch đầu tư trung hạn 2016 - 2020			Ghi chú
					Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số tất cả các nguồn vốn	NSTW	TPCP	Tổng số	NSTW	TPCP	
3	Trung tâm văn hóa thể thao xã	Xã Bình Thành	8.500m	2018-2020	4571/QĐ-UBND, 31/10/2017	6.000	5.600		5.600	5.600	-	
4	Nhà văn hóa ấp Tân Long B	Xã Bình Thành	300m ²	2018-2020	4570/QĐ-UBND, 31/10/2017	1.350	1.300		1.300	1.300	-	
5	Nhà văn hóa ấp Thạnh Mỹ B	Xã Bình Thành	300m ²	2018-2020	4569/QĐ-UBND, 31/10/2017	1.120	1.100		1.050	1.050	-	
(4)	Hệ thống chính trị và tiếp cận pháp luật (18)					2.575	2.500	-	2.500	2.500	-	
1	Nâng cấp, sửa chữa trụ sở xã Bình Thành	Xã Bình Thành	4.000m ²	2018-2020	4591/QĐ-UBND, 31/10/2017	2.575	2.500		2.500	2.500	-	
3	Xã Thạnh Hòa					21.791	2.442	3.293	4.293	1.000	3.293	
*	Dự án hoàn thành, đưa vào sử dụng trước 31/12/2015					20.791	1.442	3.293	3.293	-	3.293	
(1)	Cơ sở vật chất văn hóa (6)				-	17.348	1.442	2.593	2.593	-	2.593	
1	Nhà văn hoá ấp Nhất	Xã Thạnh Hòa	DTSD: 2.339 m ²	2014	2244/QĐ-UBND, 12/5/2014	1.420		419	419	-	419	
2	Nhà văn hoá ấp Ba	Xã Thạnh Hòa	DTSD: 500 m ²	2014	2330/QĐ-UBND, 22/5/2014	1.929		327	327	-	327	
3	Nhà văn hoá ấp Tầm Vu 1	Xã Thạnh Hòa	DTSD: 727,01 m ²	2014	2243/QĐ-UBND, 12/5/2014	1.628		157	157	-	157	
4	Nhà văn hoá ấp Nhi	Xã Thạnh Hòa	DTSD: 500,41 m ²	2014	3334/QĐ-UBND, 22/5/2014	1.708		617	617	-	617	
5	Nhà văn hoá - Khu thể thao ấp Tầm Vu 2	Xã Thạnh Hòa	DTSD: 2.508,5 m ²	2014	2331/QĐ-UBND, 22/5/2014	2.767		379	379	-	379	

STT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Năng lực thiết kế	Thời gian khởi công - khánh thành	Quyết định đầu tư ban đầu				Kế hoạch đầu tư trung hạn 2016 - 2020			Ghi chú
					Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Trong đó:			Tổng số	Trong đó:		
						Tổng số tất cả các nguồn vốn	NSTW	TPCP		NSTW	TPCP	
6	Nhà văn hoá ấp Phú Xuân	Xã Thạnh Hòa	DTSD: 850 m ²	2014	3332/QĐ-UBND, 22/5/2014	1.955		315	315	-	315	
7	Trung tâm thể thao xã Thạnh Hòa	Xã Thạnh Hòa	DTSD: 10.800 m ²	2014	3574b/QĐ-UBND, 12/6/2014	5.941	1.442	379	379	-	379	
(2)	Chợ					3.443	-	700	700	-	700	
1	NC, mở rộng chợ Rạch Gòi xã Thạnh Hòa	Xã Thạnh Hòa	5.000m2	2014-2016	5379/QĐ-UBND, 07/8/2014	3.443		700	700	-	700	
**	Dự án khởi công mới hoàn thành trong giai đoạn 2016-2020					1.000	1.000	-	1.000	1.000	-	
(1)	Giao thông (2)					1.000	1.000	-	1.000	1.000	-	
1	Giao thông nông thôn xã Thạnh Hòa 2017	Xã Thạnh Hòa	975m+950m+30m	2017-2019	1317/QĐ-UBND; 10/6/2016	1.000	1.000		1.000	1.000	-	
5	Xã Phương Phú					17.149	750	3.845	4.595	750	3.845	
	Dự án chuyển tiếp dự kiến hoàn thành trong năm 2016					17.149	750	3.845	4.595	750	3.845	
(1)	Cơ sở vật chất văn hóa (6)					17.149	750	3.845	4.595	750	3.845	
1	Nhà văn hóa ấp Bình Hòa	Xã Phương Phú	484 m2	2015--2017	1390/QĐ-UBND, 23/3/2015			345	345	-	345	
2	Nhà văn hóa - Khu thể thao ấp Phương An B	Xã Phương Phú	2.500m2	2015-2017	1388/QĐ-UBND, 23/3/2015	2.576		803	803	-	803	
3	Nhà văn hóa ấp Phương Hòa	Xã Phương Phú	500m2	2015-2017	1389/QĐ-UBND, 23/3/2015	1.532		359	359	-	359	
4	Nhà văn hóa ấp Bình Hòa	Xã Phương Phú	500m2	2015-2017	1390/QĐ-UBND, 23/3/2015	1.509		638	638	-	638	

STT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Năng lực thiết kế	Thời gian khởi công - khánh thành	Quyết định đầu tư ban đầu				Kế hoạch đầu tư trung hạn 2016 - 2020			Ghi chú
					Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số tất cả các nguồn vốn	NSTW	TPCP	Tổng số	NSTW	TPCP	
5	Nhà văn hóa ấp Phương Thạnh	Xã Phương Phú	500m ²	2015-2017	1386/QĐ-UBND 23/3/2015	1.504	750	83	833	750	83	
6	Trung tâm văn hóa thể thao xã Phương Phú	Xã Phương Phú	10.000m ²	2015-2017	1387/QĐ-UBND 23/3/2015	8.675		1.617	1.617	-	1.617	
6	Xã Tân Bình					13.591	-	6.164	6.164	-	6.164	
*	Dự án chuyển tiếp dự kiến hoàn thành trong năm 2016					7.404	-	3.075	3.075	-	3.075	
(1)	Cơ sở vật chất văn hóa (6)					7.404	-	3.075	3.075	-	3.075	
1	Trung tâm văn hóa thể thao xã Tân Bình và Đường vào khu TTVH xã Tân Bình (giai đoạn 1)	Xã Tân Bình	10.000m ²	2015-2017	4389/QĐ-UBND 21/7/2015	7.404		3.075	3.075	-	3.075	
**	Dự án khởi công mới hoàn thành trong giai đoạn 2016-2020					6.187	-	3.089	3.089	-	3.089	
(1)	Giao thông (2)					5.748	-	2.694	2.694	-	2.694	
1	Sửa chữa, Nâng cấp tuyến lộ Đường Láng thuộc ấp Tân Phú	Xã Tân Bình	3.000m	2016-2017	1978/QĐ-UBND 30/3/2016	1.980		1.782	1.782	-	1.782	
1	Nâng cấp, sửa chữa Tuyến từ cầu Kênh Lầm đến Vàm Đường Láng	Tân Bình	4km	2016-2018	1905/QĐ-UBND 18/3/2016	3.768		912	912		912	
(2)	Trường học (5)					439	-	395	395	-	395	
1	Trường Mẫu Giáo Tân Bình 2; Hạng mục: Hàng Rào	Xã Tân Bình	Hàng Rào	2015-2016	6528a/QĐ-UBND 20/10/2015	162		146	146	-	146	
2	Trường Tiểu Học Tân Bình 2; Hạng mục: Sân, hàng rào, lối đi, di dời trụ điện trung áp	Xã Tân Bình	Sân, hàng rào, lối đi, di dời trụ điện trung áp	2015-2016	6527a/QĐ-UBND 20/10/2015	277		249	249	-	249	
7	Xã Hòa An					6.134	-	5.251	5.251	-	5.251	

STT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Năng lực thiết kế	Thời gian khởi công - khánh thành	Quyết định đầu tư ban đầu				Kế hoạch đầu tư trung hạn 2016 - 2020			Ghi chú
					Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Trong đó:		Tổng số	Trong đó:			
						Tổng số tất cả các nguồn vốn	NSTW		TPCP	NSTW	TPCP	
	<i>Dự án khởi công mới hoàn thành trong giai đoạn 2016-2020</i>					6.134	-	5.251	5.251	-	5.251	
(1)	Giao thông (2)					6.134	-	5.251	5.251	-	5.251	
1	Tuyến đường từ kênh Ba Trúc xã Hòa An đến giáp ranh thị trấn Kinh Cùng	Xã Hòa An	1.000m	2016-2017	1901/QĐ-UBND, 18/3/2016	885		719	719	-	719	
2	Tuyến đường kênh Cái Cao và Nâng cấp sửa chữa cầu Chúc Thọ	Xã Hòa An	3.000m	2016-2017	344/UBND, 4/4/2016	2.859		2.382	2.382	-	2.382	
3	Tuyến đường cấp kênh Chúc Thọ Xẻo Sành và cầu Bà Mười	Xã Hòa An	2.000m	2016-2017	340/UBND, 4/4/2016	1.612		1.450	1.450	-	1.450	
4	Xây dựng cầu giao thông nông thôn xã Hòa An. Hạng mục: Cầu Tư Hiệp, Cầu Ban Lùng, Cầu Tư Liệt, Cầu Minh Hải, Cầu Bà Lùng	Xã Hòa An	0,5 tấn	2016-2018		778		700	700	-	700	
V	Huyện Châu Thành					64.520	38.314	4.528	42.838	38.310	4.528	
I	Xã Đông Phú					15.757	12.914	1.455	14.365	12.910	1.455	
	<i>Dự án khởi công mới hoàn thành trong giai đoạn 2016-2020</i>					15.757	12.914	1.455	14.365	12.910	1.455	
(2)	Trường học (5)					10.778	10.000	-	10.000	10.000	-	
3	Nâng cấp, sửa chữa Trường Tiểu học Đông Phú 1	Xã Đông Phú	10p	2017-2019	2874/QĐ-UBND, 15/9/2017	10.778	10.000		10.000	10.000	-	
(3)	Cơ sở vật chất văn hóa (6)					4.979	2.914	1.455	4.365	2.910	1.455	
1	Trung tâm văn hóa - Thể thao xã Đông Phú	Xã Đông Phú	2.500m2	2016-2018	1345/QĐ-UBND, 08/9/2016	1.820	765	655	1.405	750	655	
2	Nhà văn hóa ấp Phú Lợi, xã Đông Phú	Xã Đông Phú	300m2	2016-2017	2220A/QĐ-UBND, 24/6/2016	654	524	130	640	510	130	
3	Nhà văn hóa ấp Phú Thọ, xã Đông Phú	Xã Đông Phú	300m2	2016-2017	2023A/QĐ-UBND, 24/6/2016	655	515	140	640	500	140	

STT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Năng lực thiết kế	Thời gian khởi công - khánh thành	Quyết định đầu tư ban đầu				Kế hoạch đầu tư trung hạn 2016 - 2020		
					Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số tất cả các nguồn vốn	NSTW	TPCP	Tổng số	NSTW	TPCP
4	Nhà văn hóa ấp Phú Hòa, xã Đông Phú	Xã Đông Phú	300m2	2016-2017	2018A/QĐ-UBND, 24/6/2016	1.850	1.110	530	1.680	1.150	530
2	Xã Phú An					17.790	17.450	-	17.450	17.450	-
	Dự án khởi công mới hoàn thành trong giai đoạn 2016-2020					17.790	17.450	-	17.450	17.450	-
(1)	Giao thông (2)				-	10.250	9.950	-	9.950	9.950	-
1	Nâng cấp, sửa chữa Tuyến Kênh Cơ Ba	Xã Phú An	4.000m	2017-2019	2872/QĐ-UBND, 15/9/2017	4.950	4.950		4.950	4.950	-
2	Nâng cấp, sửa chữa Tuyến đường Kênh Nhà Thờ	Xã Phú An	3.200m	2018-2020	3285A/QĐ-UBND, 31/10/2017	5.300	5.000		5.000	5.000	-
(3)	Cơ sở vật chất văn hóa (6)				-	7.540	7.500	-	7.500	7.500	-
1	Trung tâm văn hóa thể thao xã	Xã Phú An	2.500m2	2017-2019	2873/QĐ-UBND, 15/9/2017	5.900	5.900		5.900	5.900	-
2	Nhà Văn hóa ấp Khánh Hòa, xã Phú An	Xã Phú An	Cấp III	2017-2019	2784/QĐ-UBND, 25/9/2017	820	800		800	800	-
3	Nhà Văn hóa ấp Phú Hưng, xã Phú An	Xã Phú An	Cấp IV	2017-2019	2927A/QĐ-UBND, 25/9/2017	820	800		800	800	-
3	Xã Đông Thạnh					22.923	50	3.073	3.123	50	3.073
(1)	Giao thông (2)				-	10.308	50	2.102	2.152	50	2.102
1	Cầu Ông Hoạch, xã Đông Thạnh (ngang UBND xã Đông Thạnh)	Xã Đông Thạnh	2,5 tấn	2012-2015	4728/QĐ-UBND, 31/12/2015	4.059	50	950	1.000	50	950
2	Nâng cấp sửa chữa để bao chống lũ gần với GTNT, Bê tông ấp Thạnh Thới, Đông Thạnh năm 2013	Xã Đông Thạnh	Lộ bê tông	2013-2015	1921/QĐ-UBND, 09/05/2013	2.764		262	262	-	262
3	Đường GTNT, Bê tông tuyến ngang UBND xã - Quốc lộ 1A	Xã Đông Thạnh	Lộ bê tông	2014-2016	780/QĐ-UBND, 01/4/2014	3.486		890	890	-	890

STT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Năng lực thiết kế	Thời gian khởi công - khánh thành	Quyết định đầu tư ban đầu				Kế hoạch đầu tư trung hạn 2016 - 2020			Ghi chú
					Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Trong đó:		Tổng số	Trong đó:			
						Tổng số tất cả các nguồn vốn	NSTW		TPCP	NSTW	TPCP	
(2)	Trường học (5)				-	9.990	-	545	545	-	545	
1	Trường Tiểu học Đông Thạnh 1	Đông Thạnh	Cấp III	2013-2015	1528/QĐ-UBND, 16/4/2015	9.990		545	545	-	545	
(3)	Cơ sở vật chất văn hóa (6)				-	2.625	-	426	426	-	426	
1	Nhà văn hóa ấp Thạnh Long, xã Đông Thạnh	Xã Đông Thạnh	Dân dụng, cấp III	2014	2066 ngày 01/8/2014	2.625		426	426	-	426	
4	Xã Đông Phước A					8.050	7.900	-	7.900	7.900	-	
(1)	Giao thông (2)				-	5.500	5.450	-	5.450	5.450	-	
1	Nâng cấp, sửa chữa đường kênh Ngã Cạy	Xã Đông Phước A	2500mđ	2019-2020	958/QĐ-UBND, 25/6/2018	5.500	5.450		5.450	5.450		
(2)	Cơ sở vật chất văn hóa (6)				-	2.550	2.450	-	2.450	2.450	-	
1	Nhà Văn hóa ấp Phước Long	Xã Đông Phước A	500m2	2019-2020	958/QĐ-UBND, 25/6/2018	800	750		750	750		
2	Nhà văn hóa - Khu thể thao ấp Phước Hòa A	Xã Đông Phước A	800m	2019-2020	958/QĐ-UBND, 25/6/2018	1.750	1.700		1.700	1.700		
VI	Huyện Châu Thành A					69.657	51.255	4.610	54.670	50.060	4.610	
I	Xã Nhơn Nghĩa A					10.560	3.519	4.037	7.471	3.434	4.037	
	Dự án khởi công mới trong giai đoạn 2016-2020					10.560	3.519	4.037	7.471	3.434	4.037	
(1)	Giao thông (2)				-	1.470	1.300	-	1.300	1.300	-	
1	Nâng cấp, sửa chữa Tuyến đường Xẻo Sơn ấp Nhơn Ninh	Xã Nhơn Nghĩa A	1.400m	2018-2020	3891/QĐ-UBND, 27/10/2017	1.470	1.300		1.300	1.300	-	
(2)	Trường học (5)				-	6.031	-	3.710	3.710	-	3.710	
1	Nâng cấp, sửa chữa Trường MG Tuổi Hồng	Xã Nhơn Nghĩa A	NCSC	2016-2018	4314/QĐ-UBND, 21/10/2015	6.031		3.710	3.710	-	3.710	
(3)	Cơ sở vật chất văn hóa (6)				-	2.219	2.219	-	2.134	2.134	-	

STT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Năng lực thiết kế	Thời gian khởi công - khánh thành	Quyết định đầu tư ban đầu				Kế hoạch đầu tư trung hạn 2016 - 2020			Ghi chú
					Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số tất cả các nguồn vốn	NSTW	TPCP	Tổng số	NSTW	TPCP	
1	Nhà văn hóa ấp Nhon Thuận I, xã Nhon Nghĩa A	Xã Nhon Nghĩa A	300m2	2016-2018	4350/QĐ-UBND, 29/10/2015	546	546		520	520	-	
2	Nhà văn hóa ấp Nhon Phú, xã Nhon Nghĩa A	Xã Nhon Nghĩa A	300m2	2016-2018	4348/QĐ-UBND, 28/10/2015	604	604		586	586	-	
3	Nhà văn hóa ấp Nhon Hòa, xã Nhon Nghĩa A	Xã Nhon Nghĩa A	300m2	2016-2018	4349/QĐ-UBND, 28/10/2015	520	520		500	500	-	
4	Nhà văn hóa ấp Nhon Ninh, xã Nhon Nghĩa A	Xã Nhon Nghĩa A	300m2	2016-2018	4346/QĐ-UBND, 27/10/2015	549	549		528	528	-	
(4)	Hệ thống chính trị và tiếp cận pháp luật (18)					840	-	327	327	-	327	
1	Nâng cấp, sửa chữa Trụ sở UBND xã Nhon Nghĩa A	Xã Nhon Nghĩa A	1000m2	2016-2018	4322/QĐ-UBND, 22/10/2015	840		327	327	-	327	
2	Xã Tân Phú Thạnh					22.507	21.837	-	20.965	20.965	-	
*	Dự án khởi công mới hoàn thành trong giai đoạn 2016-2020					22.507	21.837	-	20.965	20.965	-	
(1)	Giao thông (2)				-	14.315	13.973	-	13.766	13.766	-	
1	Tu bổ, sửa chữa, nâng cấp để bao kết hợp với giao thông nông thôn (hạng mục: Tuyến Kênh Tắc Ba Hầm Ấp Thạnh Lợi A Thạnh Phú)	Xã Tân Phú Thạnh	Lộ bê tông	2017-2019	2827/QĐ-UBND, 5/7/2017	3.489	3.439		3.400	3.400	-	
2	Các tuyến đường giao thông xã Tân Phú Thạnh; hạng mục: Tuyến Ba Láng - So Đũa Bể	Xã Tân Phú Thạnh	4.330m	2017-2019	2826/QĐ-UBND, 5/7/2017	8.812	8.520		8.520	8.520	-	
3	Cầu Rạch Lá, ấp Thạnh Mỹ A, xã Tân Phú Thạnh	Xã Tân Phú Thạnh	37m	2017-2018	2820/QĐ-UBND, 5/7/2017	1.009	1.009		936	936	-	
4	Cầu Rạch Đập, ấp Thạnh Mỹ, xã Tân Phú Thạnh	Xã Tân Phú Thạnh	35m	2017-2018	2821/QĐ-UBND, 5/7/2017	1.005	1.005		910	910	-	
(2)	Thủy lợi (3)				-	3.089	2.911	-	2.644	2.644	-	

STT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Năng lực thiết kế	Thời gian khởi công - khánh thành	Quyết định đầu tư ban đầu				Kế hoạch đầu tư trung hạn 2016 - 2020			Ghi chú
					Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số tất cả các nguồn vốn	NSTW	TPCP	Tổng số	NSTW	TPCP	
1	Nạo vét kênh Ranh So Đũa Bé	Xã Tân Phú Thạnh	Nạo vét	2017-2019	2822/QĐ-UBND, 5/7/2017	1.050	1.015		890	890	-	
2	Nạo vét kênh Ranh đoạn từ kênh Rạch Ông Tam Lớn đến Rạch Bàn kết hợp xây dựng 2 cống (cống San Trắng ấp Thạnh Mỹ và cống 7 Ngự Tân Thạnh Tây)	Xã Tân Phú Thạnh	Nạo vét	2017-2019	2824/QĐ-UBND, 5/7/2017	816	796		654	654	-	
3	Nạo vét Kênh Ranh, Kênh Bà Kiêng, Kênh Từ Việt Kênh thủy lợi Ba Hàm	Xã Tân Phú Thạnh	Nạo vét	2017-2019	2823/QĐ-UBND, 5/7/2017	1.223	1.100		1.100	1.100	-	
(3)	Trường học (5)				-	1.650	1.500	-	1.500	1.500	-	
1	Trường Tiểu học Tân Phú Thạnh 1	Xã Tân Phú Thạnh	Phòng học và các hạng mục phụ trợ	2019-2020	958/QĐ-UBND, 25/6/2018	550	500		500	500	-	
2	Trường Tiểu học Tân Phú Thạnh 2	Xã Tân Phú Thạnh	Phòng học và các hạng mục phụ trợ	2019-2020	958/QĐ-UBND, 25/6/2018	1.100	1.000		1.000	1.000	-	
(4)	Cơ sở vật chất văn hóa (6)				-	3.453	3.453	-	3.055	3.055	-	
1	Nhà văn hóa ấp Thạnh Mỹ	Xã Tân Phú Thạnh	300m2	2017-2019	2384/QĐ-UBND, 13/6/2017	698	698		674	674	-	
2	Nhà văn hóa ấp Thạnh Mỹ A	Xã Tân Phú Thạnh	300m2	2017-2019	2386/QĐ-UBND, 13/6/2017	670	670		628	628	-	
3	Nhà văn hóa ấp Tân Thạnh Tây	Xã Tân Phú Thạnh	300m2	2017-2019	2385/QĐ-UBND, 13/6/2017	723	723		578	578	-	
4	Nhà văn hóa ấp Thạnh Lợi A	Xã Tân Phú Thạnh	300m2	2017-2019	2387/QĐ-UBND, 13/6/2017	722	722		575	575	-	

STT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Năng lực thiết kế	Thời gian khởi công - khánh thành	Quyết định đầu tư ban đầu				Kế hoạch đầu tư trung hạn 2016 - 2020			Ghi chú
					Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số tất cả các nguồn vốn	NSTW	TPCP	Tổng số	NSTW	TPCP	
5	Nhà văn hóa ấp Phú Thạnh	Xã Tân Phú Thạnh	300m2	2017-2019	2377/QĐ-UBND, 13/6/2017	640	640	-	600	600	-	
3	Xã Thạnh Xuân					10.539	9.769	-	9.531	9.531	-	
**	Dự án khởi công mới hoàn thành trong giai đoạn 2016-2020					10.539	9.769	-	9.531	9.531	-	
(1)	Giao thông (2)				-	1.867	1.750	-	1.750	1.750	-	
1	Nâng cấp, sửa chữa Tuyến đường ấp Xẻo Cao A, xã Thạnh Xuân	Xã Thạnh Xuân	1.700m	2017-2019	2828/QĐ-UBND, 5/7/2017	1.867	1.750		1.750	1.750	-	
(2)	Thủy lợi (3)				-	2.830	2.277	-	2.247	2.247	-	
1	Nạo vét Kênh Năm (tuyến So Đũa Bế - Xẻo Cao A)	Xã Thạnh Xuân	Nạo vét	2017-2019	2825/QĐ-UBND, 5/7/2017	1.300	847		847	847	-	
2	Nạo vét Kênh thủy lợi xã Thạnh Xuân, hạng mục: Kênh 2, Kênh 3, Kênh 3 (Kênh Tắc - Kênh Tư Le - Kênh 11)	Xã Thạnh Xuân	Nạo vét	2018-2020	3898/QĐ-UBND, 27/10/2017	1.530	1.430		1.400	1.400	-	
(3)	Trường học (5)				-	1.100	1.000	-	1.000	1.000	-	
1	Nâng cấp, mở rộng Trường Tiểu học Thạnh Xuân I	Xã Thạnh Xuân	1000m2	2019-2020	958/QĐ-UBND, 25/6/2018	1.100	1.000		1.000	1.000	-	
(4)	Cơ sở vật chất văn hóa (6)				-	4.742	4.742	-	4.534	4.534	-	
1	Nhà văn hóa ấp Láng Hamm B xã Thạnh Xuân	Xã Thạnh Xuân	300m2	2017-2019	2393/QĐ-UBND, 14/6/2017	748	748		700	700	-	
2	Nhà văn hóa ấp Xẻo Cao A xã Thạnh Xuân	Xã Thạnh Xuân	300m2	2017-2019	2394/QĐ-UBND, 14/6/2017	723	723		700	700	-	
3	Nhà văn hóa ấp So Đũa Lớn A xã Thạnh Xuân	Xã Thạnh Xuân	300m2	2018-2020	3860/QĐ-UBND, 25/10/2017	691	691		650	650	-	

STT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Năng lực thiết kế	Thời gian khởi công - khánh thành	Quyết định đầu tư ban đầu				Kế hoạch đầu tư trung hạn 2016 - 2020			Ghi chú
					Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Trong đó:		Tổng số	Trong đó:			
						Tổng số tất cả các nguồn vốn	NSTW		TPCP	NSTW	TPCP	
4	Nhà văn hóa ấp Trầu Hôi A xã Thạnh Xuân	Xã Thạnh Xuân	300m2	2018-2020	3859/QĐ-UBND, 25/10/2017	681	681		650	650	-	
5	Trung tâm văn hóa thể thao xã	Xã Thạnh Xuân	2.500m2	2018-2020	2819/QĐ-UBND, 5/7/2017	1.309	1.309		1.284	1.284	-	
6	Nhà văn hóa ấp Láng Hầm C xã Thạnh Xuân	Xã Thạnh Xuân	300m2	2018-2020	3861/QĐ-UBND, 25/10/2017	590	590		550	550	-	
4	Xã Trường Long A					14.540	14.080	-	14.080	14.080	-	
**	Dự án khởi công mới hoàn thành trong giai đoạn 2016-2020					14.540	14.080	-	14.080	14.080	-	
(1)	Giao thông (2)				-	6.500	6.280	-	6.280	6.280	-	
1	Tuyến đường kênh Dây đoạn từ cầu Kênh Dây đến nhà ông Đạt	Xã Trường Long A	1.000m	2018-2020	3890/QĐ-UBND, 27/10/2017	2.000	1.980		1.980	1.980	-	
2	Duy tu, sửa chữa đường Kênh Tế (ấp Trường Thắng, Trường Hòa A)	Xã Trường Long A	4.000m	2019-2020	3898/QĐ-UBND, 27/10/2017	2.500	2.400		2.400	2.400		
3	Tuyến Kênh Dây (phần còn lại: đoạn từ nhà ông Năm Tro đến nhà ông Út Co)	Xã Trường Long A	3000m	2019-2020	3898/QĐ-UBND, 27/10/2017	2.000	1.900		1.900	1.900	-	
(2)	Thủy lợi (3)				-	2.550	2.450	-	2.450	2.450	-	
1	Nạo vét tuyến kênh tế (ấp Trường Thắng, Trường Hòa A)	Xã Trường Long A	Nạo vét	2019-2020	3898/QĐ-UBND, 27/10/2017	1.250	1.200		1.200	1.200	-	
2	Nạo vét kênh thủy lợi ấp Trường Lợi A	Xã Trường Long A	Nạo vét	2019-2020	3898/QĐ-UBND, 27/10/2017	1.300	1.250		1.250	1.250	-	
(3)	Cơ sở vật chất văn hóa (6)				-	4.770	4.650	-	4.650	4.650	-	
1	Nhà văn hóa ấp Trường Thắng	Xã Trường Long A	300m2	2018-2020	3892/QĐ-UBND, 27/10/2017	770	750		750	750	-	

STT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Năng lực thiết kế	Thời gian khởi công - khánh thành	Quyết định đầu tư ban đầu				Kế hoạch đầu tư trung hạn 2016 - 2020			Ghi chú
					Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số tất cả các nguồn vốn	NSTW	TPCP	Tổng số	NSTW	TPCP	
2	Nhà văn hóa ấp Trường Bình A	Xã Trường Long A	300m ²	2018-2020	3893/QĐ-UBND, 27/10/2017	770	750		750	750	-	
3	Nhà văn hóa ấp Trường Bình	Xã Trường Long A	300m ²	2018-2020	3894/QĐ-UBND, 27/10/2017	770	750		750	750	-	
4	Nhà văn hóa ấp Trường Hiệp A	Xã Trường Long A	300m ²	2018-2020	3895/QĐ-UBND, 27/10/2017	770	750		750	750	-	
5	Nhà văn hóa ấp Trường Hưng	Xã Trường Long A	300m ²	2018-2020	3896/QĐ-UBND, 27/10/2017	770	750		750	750	-	
6	Nhà văn hóa ấp Trường Lợi A	Xã Trường Long A	300m ²	2019-2020	3898/QĐ-UBND, 27/10/2017	920	900		900	900	-	
(4)	Hệ thống chính trị và tiếp cận pháp luật (18)					720	700	-	700	700	-	
1	Nâng cấp, sửa chữa trụ sở UBND xã Trường Long A, hạng mục: bộ phận cửa và trung tâm văn hóa thể thao xã	Xã Trường Long A	Bộ phận một cửa và trung tâm văn hóa thể thao xã	2018-2020	3897/QĐ-UBND, 27/10/2017	720	700		700	700	-	
5	Xã Trường Long Tây					10.211	800	573	1.373	800	573	
(1)	Trường học (5)				-	850	800	-	800	800	-	
1	Trường tiểu học Trường Long Tây 2	Xã Trường Long Tây	Phòng học và các hạng mục phụ trợ	2019-2020	3898/QĐ-UBND, 27/10/2017	850	800		800	800		
(2)	Cơ sở vật chất văn hóa (6)				-	9.361	-	573	573	-	573	
1	Trung tâm văn hóa - thể thao xã Trường Long Tây	Xã Trường Long Tây	458m ²	2014	QĐ 4298; 30/10/2014	9.361		573	573	-	573	
6	Xã Tân Hòa					1.300	1.250	-	1.250	1.250	-	

STT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Năng lực thiết kế	Thời gian khởi công - khánh thành	Quyết định đầu tư ban đầu				Kế hoạch đầu tư trung hạn 2016 - 2020			Ghi chú
					Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số tất cả các nguồn vốn	NSTW	TPCP	Tổng số	NSTW	TPCP	
(1)	Giao thông (2)				-	1.300	1.250	-	1.250	1.250	-	
1	Nâng cấp, sửa chữa cầu và đường kênh Thủy Kỳ	Xã Tân Hòa	Đường bê tông	2019-2020	3898/QĐ-UBND, 27/10/2017	1.300	1.250		1.250	1.250		
VII	Huyện Long Mỹ					58.814	35.047	17.857	54.482	36.625	17.857	
1	Xã Lương Tâm					15.585	15.345	-	14.870	14.870	-	
	Dự án khởi công mới hoàn thành trong giai đoạn 2016-2020					15.585	15.345	-	14.870	14.870	-	
(1)	Giao thông (2)				-	14.029	13.789	-	13.600	13.600	-	
1	Cầu Tư Thân áp 3	Xã Lương Tâm	40m	2017-2019	2712/QĐ-UBND, 29/9/2017	770	770		760	760	-	
2	Cầu Ông Diễn áp 5	Xã Lương Tâm	40m	2017-2019	2713/QĐ-UBND, 29/9/2017	770	770		760	760	-	
3	Tuyến đường Bản Quỳ Đông	Xã Lương Tâm	1.300m	2017-2019	2714/QĐ-UBND, 29/9/2017	1.944	1.944		1.900	1.900	-	
4	Tuyến đường Xã Hội	Xã Lương Tâm	2.200m	2017-2019	2715/QĐ-UBND, 29/9/2017	2.944	2.944		2.900	2.900	-	
5	Cầu Tô Ma	Xã Lương Tâm	40m	2017-2019	2716/QĐ-UBND, 29/9/2017	1.445	1.445		1.400	1.400	-	
6	Cầu 5 Mũi	Xã Lương Tâm	30m	2017-2019	2717/QĐ-UBND, 29/9/2017	556	556		550	550	-	
7	Cầu Kênh Tắc, xã Lương Tâm	Xã Lương Tâm	30m	2017-2019	2719/QĐ-UBND, 29/9/2017	880	880		850	850	-	
8	Tuyến đèo thờ di Xã Mao, xã Lương Tâm	Xã Lương Tâm	2.000m	2017-2019	2718/QĐ-UBND, 29/9/2017	2.500	2.500		2.500	2.500	-	

STT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Năng lực thiết kế	Thời gian khởi công - khánh thành	Quyết định đầu tư ban đầu				Kế hoạch đầu tư trung hạn 2016 - 2020			Ghi chú
					Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số tất cả các nguồn vốn	NSTW	TPCP	Tổng số	NSTW	TPCP	
9	Nâng cấp, sửa chữa Tuyến đường Tô Ma A, xã Lương Tâm	Xã Lương Tâm	2.400m	2018-2020	3281/QĐ-UBND, 31/10/2017	2.220	1.980		1.980	1.980	-	
(3)	Trường học (5)				-	1.556	1.556	-	1.270	1.270	-	
1	Nâng cấp, sửa chữa Trường Tiểu học Lương Tâm 2	Xã Lương Tâm	2p	2017-2019	2687/QĐ-UBND, 25/9/2017	1.556	1.556		1.270	1.270	-	
2	Xã Vĩnh Thuận Đông					22.047	18.674	1.800	20.649	18.849	1.800	
	Dự án khởi công mới hoàn thành trong giai đoạn 2016-2020					22.047	18.674	1.800	20.649	18.849	1.800	
(1)	Giao thông (2)				-	17.647	14.554	1.800	16.549	14.749	1.800	
1	Đường rạch Cá Đĩa xã Vĩnh Thuận Đông	Xã Vĩnh Thuận Đông	6.500m	2016-2018	553/QĐ-UBND, 23/3/2016	6.147	5.800		5.800	5.800	-	
2	Tuyến lộ Xéo Giá Vĩnh Thuận Đông	Xã Vĩnh Thuận Đông	3243m	2016-2017	2214/QĐ-UBND, 15/9/2016	3.000	2.155	700	2.855	2.155	700	
3	Tuyến Kênh Bờ Tre xã Vĩnh Thuận Đông	Xã Vĩnh Thuận Đông	2917m	2016-2017	2212/QĐ-UBND, 15/9/2016	3.000	2.199	700	2.899	2.199	700	
4	Đường GTNT tuyến kênh Lý Nét	Xã Vĩnh Thuận Đông	659m	2016-2016	2211/QĐ-UBND, 15/9/2016	600		400	595	195	400	
5	Tuyến đường từ cầu Cá Đĩa đến Bến Ruộng	Xã Vĩnh Thuận Đông	4.000m	2018-2020	3283/QĐ-UBND, 31/10/2017	4.900	4.400		4.400	4.400	-	
(3)	Trường học (5)				-	4.400	4.120	-	4.100	4.100	-	
1	Nâng cấp, sửa chữa Trường TH Vĩnh Thuận Đông 1, hạng mục 3 phòng học	Xã Vĩnh Thuận Đông	3p	2017-2019	2688/QĐ-UBND, 25/9/2017	1.880	1.650		1.650	1.650	-	
2	Nâng cấp, sửa chữa Trường tiểu học Vĩnh Thuận Đông 1 (áp 2 Cái Nhum)	Xã Vĩnh Thuận Đông	3p	2018-2020	3282/QĐ-UBND, 31/10/2017	2.520	2.470		2.450	2.450	-	
3	Xã Thuận Hưng					6.054	-	4.854	5.873	1.019	4.854	

STT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Thời gian khởi công - khánh thành	Năng lực thiết kế	Quyết định đầu tư ban đầu				Kế hoạch đầu tư trung hạn 2016 - 2020			Ghi chú
					Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số tất cả các nguồn vốn	NSTW	TPCP	Tổng số	NSTW	TPCP	
*	<i>Dự án khởi công mới trong giai đoạn 2016-2020</i>					6.054	-	4.854	5.873	1.019	4.854	
(1)	Giao thông (2)				-	5.004	-	3.843	4.828	985	3.843	
1	Lộ bê tông tuyến kênh Cái Nhào	Xã Thuận Hưng	2016	Đường bê tông	2592/QĐ-UBND 07/10/2016	1.200		1.067	1.184	117	1.067	
2	Đường bê tông tuyến Vòng Cung ấp 9 xã Thuận Hưng	Xã Thuận Hưng	2016	Đường bê tông	2593/QĐ-UBND 07/10/2016	1.200		461	1.141	680	461	
3	Đường Sông Cái (đoạn từ cầu Tràm Chóc đến kênh 3 Phát)	Xã Thuận Hưng	2016	Đường bê tông	2594/QĐ-UBND 07/10/2016	2.604		2.315	2.503	188	2.315	
(1)	Cơ sở vật chất văn hóa (6)				-	1.050	-	1.011	1.045	34	1.011	
1	Nhà văn hóa ấp 8 xã Thuận Hưng	Thuận Hưng	2016-2016	97,5m ²	2213/QĐ-UBND, 15/9/2016	700		700	700	-	700	
2	Nhà văn hóa ấp 7 xã Thuận Hưng	Thuận Hưng	2016	300m ²	1344/QĐ-UBND, 8/9/2016	350		311	345	34	311	
3	Xã Xà Phiên					8.076	-	5.251	6.230	979	5.251	
*	<i>Dự án hoàn thành, đưa vào sử dụng trước 31/12/2015</i>					2.276	-	580	685	105	580	
(1)	Giao thông (2)				-	2.276	-	580	685	105	580	
1	Đường Giao thông nông thôn Xẻo Dĩa, ấp 7	Xã Xà Phiên	2012-2015	Đường bê tông	4841/QĐ-UBND 25/6/2012	1.170		368	456	88	368	
2	Đường Giao thông nông thôn Hàng Bần, ấp 4	Xã Xà Phiên	2014-2016	Đường bê tông	4840/QĐ-UBND 26/12/2014	1.106		212	229	17	212	
*	<i>Dự án khởi công mới trong giai đoạn 2016-2020</i>					5.800	-	4.671	5.545	874	4.671	
(1)	Giao thông (2)				-	5.800	-	4.671	5.545	874	4.671	



29

STT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Năng lực thiết kế	Thời gian khởi công - khánh thành	Quyết định đầu tư ban đầu				Kế hoạch đầu tư trung hạn 2016 - 2020			Ghi chú	
					Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Trong đó:		Tổng số	Tổng số	Trong đó:			
						Tổng số tất cả các nguồn vốn	NSTW			TPCP	NSTW		TPCP
1	Tuyến sông Cái áp 8 xã Xà Phiên	Xã Phiên	Đường bê tông	2016	2595/QĐ-UBND 07/10/2016	2.100		1.867		2.044	177	1.867	
2	Đường bê tông tuyến Cái Rắn - Xã Đội áp 7 xã Xà Phiên	Xã Phiên	Đường bê tông	2016	2596/QĐ-UBND 07/10/2016	1.200		583		1.127	544	583	
3	Lộ bê tông tuyến Giao Du áp 5 xã Xà Phiên	Xã Phiên	Đường bê tông	2016	2597/QĐ-UBND 07/10/2016	2.500		2.221		2.374	153	2.221	
4	Xã Lương Nghĩa					6.352	1.028	5.252		6.160	908	5.252	
*	Dự án khởi công mới trong giai đoạn 2016-2020					6.352	1.028	5.252		6.160	908	5.252	
(1)	Giao thông (2)				-	5.700	1.028	4.672		5.521	849	4.672	
1	Lộ bê tông tuyến kênh 5 Biếc áp 10 xã Lương Nghĩa	Xã Lương Nghĩa	Đường bê tông	2016	2598/QĐ-UBND 07/10/2016	1.300	144	1.156		1.268	112	1.156	
2	Đường kênh Ngang Mỏ áp 8 xã Lương Nghĩa	Xã Lương Nghĩa	Đường bê tông	2016	2109/QĐ-UBND 31/8/2016	1.600	178	1.422		1.556	134	1.422	
3	Lộ bê tông tuyến từ kênh Sóc đến Tám Bích	Xã Lương Nghĩa	Đường bê tông	2016	2600/QĐ-UBND 07/10/2016	800	89	711		761	50	711	
4	Đường bê tông tuyến kênh Đồn Giông áp 8 xã Lương Nghĩa	Xã Lương Nghĩa	Đường bê tông	2016	2602/QĐ-UBND 07/10/2016	1.100	517	583		1.065	482	583	
5	Lộ bê tông tuyến kênh Long Mỹ 2 (đoạn từ kênh Miếu đến kênh 9) áp 6 xã Lương Nghĩa	Xã Lương Nghĩa	Đường bê tông	2016	2601/QĐ-UBND 07/10/2016	900	100	800		871	71	800	
(2)	Chợ nông thôn (7)					652	-	580		639	59	580	
1	Nâng cấp hạ tầng chợ Lương Nghĩa	Xã Lương Nghĩa	1.000m2	2016	2738/QĐ-UBND 28/10/2016	652		580		639	59	580	
5	Xã Vĩnh Viễn					700	-	700		700	-	700	

STT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Năng lực thiết kế	Thời gian khởi công - khánh thành	Quyết định đầu tư ban đầu				Kế hoạch đầu tư trung hạn 2016 - 2020			Ghi chú
					Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số tất cả các nguồn vốn	NSTW	TPCP	Tổng số	NSTW	TPCP	
*	<i>Dự án khởi công mới trong giai đoạn 2016-2020</i>					700	-	700	700	-	700	
(1)	<i>Cơ sở vật chất văn hóa (6)</i>				-	700	-	700	700	-	700	
1	Nhà văn hóa ấp 3 xã Vĩnh Viễn	Xã Vĩnh Viễn	850m ²	2016-2016	2701/QĐ-UBND, 25/10/2016	700		700	700		700	
VIII	<i>Huyện Vị Thủy</i>				-	86.970	40.050	9.304	48.506	39.202	9.304	
I	<i>Xã Vị Thủy</i>				-	30.378	1.000	6.754	7.754	1.000	6.754	
*	<i>Dự án chuyển tiếp dự kiến hoàn thành trong năm 2016</i>					24.504	-	6.454	6.454	-	6.454	
(1)	<i>Giao thông (2)</i>				-	10.835	-	800	800	-	800	
1	Đường lò heo - Hai cừ xã Vị Thủy	Xã Vị Thủy	3.205,89m	2013-2015	759/QĐ-UBND, 18/3/2013	5.462		400	400	-	400	
2	Giao thông nông thôn xã Vị Thủy năm 2013 DA1 huyện Vị Thủy, hạng mục: Cầu Bà Sáu, Cầu trường học, Cầu Từ Quê, Cầu Ó Bịp, Cầu Tư Nghê	Xã Vị Thủy	Tổng chiều dài các cầu 100md	2013-2014	3532/QĐ-UBND, 24/10/2013	5.373		400	400	-	400	
(2)	<i>Cơ sở vật chất văn hóa (6)</i>				-	13.669	-	5.654	5.654	-	5.654	
1	Nhà văn hóa- khu thể thao ấp 3, xã Vị Thủy	Xã Vị Thủy	Dân dụng cấp IV	2014-2016	3891/QĐ-UBND, 24/10/2014	3.157		2.200	2.200	-	2.200	
2	Nhà văn hóa ấp 2, xã Vị Thủy	Xã Vị Thủy	Dân dụng cấp IV	2015-2016	3889/QĐ-UBND, 24/10/2014	2.035		1.100	1.100	-	1.100	
3	Khu thể thao xã Vị Thủy, huyện Vị Thủy	Xã Vị Thủy	Dân dụng cấp IV	2015-2016	3595/QĐ-UBND, 30/10/2015	5.504		1.354	1.354	-	1.354	
4	Nhà văn hóa- khu thể thao ấp 7, xã Vị Thủy	Xã Vị Thủy	Dân dụng cấp IV	2014-2016	3891/QĐ-UBND, 24/10/2014	2.973		1.000	1.000	-	1.000	
**	<i>Dự án khởi công mới trong giai đoạn 2016-2020</i>					5.874	1.000	300	1.300	1.000	300	
(1)	<i>Giao thông (2)</i>				-	369	-	300	300	-	300	

STT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Năng lực thiết kế	Thời gian khởi công - khánh thành	Quyết định đầu tư ban đầu				Kế hoạch đầu tư trung hạn 2016 - 2020			Ghi chú
					Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số tất cả các nguồn vốn	NSTW	TPCP	Tổng số	NSTW	TPCP	
1	Nâng cấp, sửa chữa đường Kinh Chùa, ấp 8, xã Vị Thủy, huyện Vị Thủy	Xã Vị Thủy	Đường bê tông	2016-2017	1074/QĐ-UBND 31/3/2016	369		300	300	-	300	
(2)	Cơ sở vật chất văn hóa (6)				-	5.505	1.000	-	1.000	1.000	-	
1	Khu thể thao xã Vị Thủy	Xã Vị Thủy	2.500m	2016-2018	3595/QĐ-UBND, 30/10/2015	5.505	1.000		1.000	1.000	-	
2	Xã Vị Thắng					24.908	14.816	1.950	16.638	14.688	1.950	
**	Dự án khởi công mới trong giai đoạn 2016-2020					24.908	14.816	1.950	16.638	14.688	1.950	
(1)	Giao thông (2)				-	19.805	14.816	1.000	15.688	14.688	1.000	
1	Nâng cấp mở rộng đường giao thông nông thôn ấp 9 xã Vị Thắng	Xã Vị Thắng	4.000m	2016-2018	3596/QĐ-UBND, 30/10/2015	4.295	1.040		1.040	1.040	-	
2	Nâng cấp đê bao tuyến Nước Đục - Vĩnh Tường	Xã Vị Thắng	2.090m	2016-2018	3787/QĐ-UBND, 17/10/2014	1.950	394	1.000	1.394	394	1.000	
3	Đường Nước Đục - Phong Lưu, ấp 9, Vị Thắng	Xã Vị Thắng	1.200m	2017-2019	3303/QĐ-UBND, 20/9/2017	1.400	1.384		1.316	1.316	-	
4	Đường Ba Soi - Bờ Sảng, ấp 12, Vị Thắng	Xã Vị Thắng	2.000m	2017-2019	3301/QĐ-UBND, 20/9/2017	2.040	2.006		2.006	2.006	-	
5	Nâng cấp, sửa chữa đường kênh lều, ấp 6	Xã Vị Thắng	900m	2017-2019	3306/QĐ-UBND, 20/9/2017	750	725		725	725	-	
6	Nâng cấp sửa chữa đường kinh Xáng Nàng Mau 2, ấp 10 (mặt lộ 2,5m)	Xã Vị Thắng	6.100m	2017-2019	3302/QĐ-UBND, 20/9/2017	5.830	5.777		5.777	5.777	-	
7	Cầu kênh Giải Phóng, ấp 7	Xã Vị Thắng	2,5 tấn	2017-2019	3305/QĐ-UBND, 20/9/2017	700	700		640	640	-	
8	Nâng cấp, mở rộng đường từ Đình di Cà Đĩa, xã Vị Thắng	Xã Vị Thắng	2.800m	2017-2019	3302/QĐ-UBND, 20/9/2017	2.840	2.790		2.790	2.790	-	

STT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Năng lực thiết kế	Thời gian khởi công - khánh thành	Quyết định đầu tư ban đầu				Kế hoạch đầu tư trung hạn 2016 - 2020			Ghi chú
					Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số tất cả các nguồn vốn	NSTW	TPCP	Tổng số	NSTW	TPCP	
(3)	Cơ sở vật chất văn hóa (6)				-	5.103	-	950	950	-	950	
1	Nhà văn hóa - khu thể thao ấp 10, xã Vị Thắng	Xã Vị Thắng	2.500m ²	2016-2018	1051/QĐ-UBND, 31/3/2016	1.850		350	350	-	350	
2	Nhà văn hóa ấp 11, xã Vị Thắng	Xã Vị Thắng	500m ²	2016-2018	1052/QĐ-UBND, 31/3/2016	1.691		300	300	-	300	
3	Nhà văn hóa ấp 12, xã Vị Thắng	Xã Vị Thắng	500m ²	2016-2018	1054/QĐ-UBND, 31/3/2016	1.562		300	300	-	300	
3	Xã Vị Trung					25.200	24.050	-	23.350	23.350	-	
**	Dự án khởi công mới trong giai đoạn 2016-2020					25.200	24.050	-	23.350	23.350	-	
(1)	Giao thông (2)					8.650	8.200	-	7.500	7.500	-	
1	Đường kênh Nàng Bèn	Xã Vị Trung	4.500m	2018-2020	3859/QĐ-UBND, 30/10/2017	8.650	8.200		7.500	7.500	-	
(2)	Trường học (5)					16.550	15.850	-	15.850	15.850	-	
1	Nâng cấp, sửa chữa Trường tiểu học Vị Trung 1	Xã Vị Trung	Phòng học, phòng chức năng và thiết bị	2018-2020	3858/QĐ-UBND, 30/10/2017	2.450	2.350		2.350	2.350	-	
2	Trường MG Vị Trung, hạng mục: XD 5 phòng học, nâng cấp, sửa chữa các chức năng, sân và trang thiết bị	Xã Vị Trung	5p và TB	2018-2020	3856/QĐ-UBND, 30/10/2017	5.200	5.000		5.000	5.000	-	
3	Trường Tiểu học Vị Trung 2, hạng mục: 10 phòng học, nâng cấp, sửa chữa các phòng chức năng, sân, hàng rào, nhà vệ sinh, nhà xe và trang thiết bị	Xã Vị Trung	10p học	2019-2020	958/QĐ-UBND, 25/6/2018	8.900	8.500		8.500	8.500	-	
4	Xã Vị Thanh					6.484	184	600	764	164	600	
*	Dự án hoàn thành trước ngày 31/12/2015					6.484	184	600	764	164	600	

STT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Năng lực thiết kế	Thời gian khởi công - khánh thành	Quyết định đầu tư ban đầu				Kế hoạch đầu tư trung hạn 2016 - 2020			Ghi chú
					Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số tất cả các nguồn vốn	NSTW	TPCP	Tổng số	NSTW	TPCP	
(1)	Giao thông (2)				-	3.597	164	-	164	164	-	
1	Chống sạt lở kết hợp GT tuyến 12.000 (BXN) xã Vị Thanh	Xã Vị Thanh	Đường bê tông	2013	3531/QĐ-UBND, 24/10/2013	3.597	164		164	164	-	
(2)	Cơ sở vật chất văn hóa (6)				-	2.887	20	600	600	-	600	
1	Nhà văn hóa - khu thể thao ấp 3, xã Vị Thanh	Xã Vị Thanh	Dân dụng cấp IV	2013	3169/QĐ-UBND, 01/10/2013	2.887	20	600	600	-	600	